



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VÙNG TRUNG BỘ

TẠP CHÍ

KHOA HỌC XÃ HỘI MIỀN TRUNG

Central Vietnamese Review of Social Sciences

06(80) 2022

ISSN 1859-2635

TỔNG BIÊN TẬP

TS. Hoàng Hồng Hiệp

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

PGS.TS. Bùi Đức Hùng (Chủ tịch)
Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng
Ủy viên Bộ Chính trị
Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

GS.TS. Nguyễn Chí Bền
Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam

GS.TS. Trần Thọ Đạt
Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

GS.TS. Phạm Văn Đức
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

TS. Hoàng Hồng Hiệp
Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

GS.TS. Nguyễn Xuân Kính
Viện Nghiên cứu Văn hóa

GS.TS. Eric Iksoon Im
University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Đỗ Hoài Nam
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Vũ Băng Tâm
University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Nguyễn Quang Thuấn
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Trần Đăng Xuyên
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

BIÊN TẬP TRỊ SỰ

ThS. Châu Ngọc Hòe
CN. Lưu Thị Diệu Hiền

C V R S S

Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung

ISSN 1859 – 2635

Tạp chí ra 2 tháng 1 kỳ

Số 06 năm 2022

Năm thứ mười lăm

Mục lục

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam: Tư duy đột phá và sáng tạo của Đảng ta <i>Nguyễn Quang Bình</i>	3
Nhận thức và hành vi của người nội trợ trong giảm thiểu sử dụng túi nhựa dùng một lần: Nghiên cứu trường hợp các tỉnh duyên hải miền Trung <i>Lê Chí Công, Phan Nguyễn Hoài Nhã, Nguyễn Đức Tân, Lê Đức Tâm</i>	10
Phát triển ngành khai thác thủy sản thành phố Đà Nẵng <i>Hoàng Hồng Hiệp, Châu Ngọc Hòe</i>	19
Phát triển thương hiệu nước mắm của làng nghề truyền thống Nam Ô, thành phố Đà Nẵng <i>Phạm Quốc Trí</i>	27
Thực hiện chính sách phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng: Thực trạng và một số vấn đề đặt ra <i>Vũ Thị Ngọc</i>	38
Tình hình thiên tai, dịch bệnh dưới triều Nguyễn (1802-1840) - khảo cứu qua Châu bản triều Nguyễn <i>Lê Thị Huyền</i>	48
Sự ảnh hưởng của trường phái kịch Aristote đến kịch Việt Nam 1945 – 1975 <i>Phạm Ngọc Hiền</i>	59
Đặc điểm cấu trúc - hình thái và ngữ nghĩa của thành ngữ tiếng Việt có từ “ăn” <i>Hoàng Thị Yến</i>	66

Giấy phép xuất bản số 104/GP – BTTTT cấp ngày 22 tháng 4 năm 2013

Chế bản điện tử tại Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ; In 250 cuốn khổ 19 x 27cm; Số 06 năm 2022

In tại Công ty TNHH MTV In Tổng hợp Đà Nẵng

Số 2, Lý Thường Kiệt - P. Thạch Thang - Q. Hải Châu - TP. Đà Nẵng * ĐT: 0236.3821038; Nộp lưu chiểu tháng 11/2022

CVRSS

Central Vietnamese Review of Social Sciences

ISSN 1859 – 2635

Bimonthly Review

No. 06, 2022

The 15th Year

Contents

Socialist-oriented market economy in Vietnam: Breakthrough and creative thinking of the Communist Party of Vietnam <i>Nguyen Quang Binh</i>	3
The perception and behaviors of housewives in reducing the use of single-use plastic bags: A case study of Central coastal provinces <i>Le Chi Cong, Phan Nguyen Hoai Nha, Nguyen Duc Tan, Le Duc Tam</i>	10
Fisheries in Da Nang city <i>Hoang Hong Hiep, Chau Ngoc Hoe</i>	19
Promoting the fish sauce brand name of Nam O traditional craft village in Da Nang <i>Pham Quoc Tri</i>	27
Classification of domestic solid waste at source in Hai Chau district, Da Nang city: The real situation and problems <i>Vu Thi Ngoc</i>	38
Natural disasters and epidemics under the Nguyen dynasty (1802-1840) – A study through the Nguyen dynasty's imperial archives <i>Le Thi Huyen</i>	48
The impact of Aristotelian dramas to Vietnamese dramas during 1945 – 1975 <i>Pham Ngoc Hien</i>	59
Structural - morphological and semantic features of Vietnamese idioms containing the word "eating" <i>Hoang Thi Yen</i>	66

Nhận thức và hành vi của người nội trợ trong giảm thiểu sử dụng túi nhựa dùng một lần: Nghiên cứu trường hợp các tỉnh duyên hải miền Trung

Lê Chí Công

Phan Nguyễn Hoài Nhã

Trường Đại học Nha Trang

Nguyễn Đức Tân

Trường Cao đẳng du lịch Nha Trang

Lê Đức Tâm

Trường Đại học Xây dựng miền Trung

Email liên hệ: conglechi@ntu.edu.vn

Tóm tắt: Nghiên cứu này sử dụng kỹ thuật phỏng vấn trực tiếp bằng bảng câu hỏi chi tiết với 250 người nội trợ tại ba thành phố ven biển miền Trung (Nha Trang, Đà Nẵng, Đồng Hới). Mẫu nghiên cứu được chọn theo phương pháp hạn ngạch dựa trên đặc điểm giới tính và độ tuổi. Sử dụng các kỹ thuật phân tích độ tin cậy thang đo, phân tích nhân tố khám phá, khẳng định và phân tích phương trình cân bằng cấu trúc, kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, thái độ đối với việc bảo vệ môi trường có ảnh hưởng mạnh nhất lên ý định hành vi giảm thiểu sử dụng túi nhựa dùng một lần; tiếp theo lần lượt là các nhân tố: nghĩa vụ đạo đức, nhận thức tác hại túi nhựa đối với sức khỏe. Kết quả nghiên cứu cho phép khuyến nghị các nhà quản lý ngành và chính quyền địa phương cần tăng cường giáo dục cho những người nội trợ nhằm cải thiện hơn nữa thái độ tích cực đối với việc bảo vệ môi trường và ý định hành vi giảm thiểu sử dụng túi nhựa dùng một lần trong các hộ gia đình trong thời gian tới.

Từ khóa: Nhận thức; Hành vi; Túi nhựa dùng một lần; Nội trợ

The perception and behaviors of housewives in reducing the use of single-use plastic bags: A case study of Central coastal provinces

Abstract: This paper uses a detailed questionnaire to interview 250 housewives in three coastal cities including Nha Trang, Da Nang, and Dong Hoi. Quota samples are selected based on gender and age characteristics. The study utilizes qualitative method to develop scales and quantitative methods to analyze scale reliability, exploratory factors, and structural equation modeling (SEM). Research results indicate that six of seven research hypotheses are agreed and supported. In particular, the attitude towards environmental protection has the most decisive influence on behavioral intention to reduce the use of single-use plastic bags, followed by other factors including moral obligations and the awareness of adverse effects of plastic bags on health. The findings help industry managers and local authorities enhance education for housewives to further improve their positive attitudes towards environmental protection and behavioral intentions to reduce the use of single-use plastic bags in the future.

Keywords: Perception/awareness; Behaviors; Single-use plastic bags; housewives

Ngày gửi bài: 01/11/2022

Ngày duyệt đăng: 05/12/2022

1. Đặt vấn đề

Túi nhựa sử dụng một lần là một trong những vật liệu phổ biến và tiện lợi nhất trong xã hội hiện đại. Tuy nhiên, việc sử dụng túi nhựa sử dụng một lần ngày càng gây tranh cãi vì những tác động tiêu cực của nó đối với môi trường, đa dạng sinh học và sức khỏe con người. Túi nhựa sử dụng một lần không tự phân hủy trong môi trường (EAS, 2018; Haward, 2018). Thay vào đó, nó phân hủy thành các hạt nhỏ (vi nhựa) có thể tác động tiêu cực đến sức khỏe con người bằng cách giải phóng chất độc vào chuỗi thức ăn và đầu độc động vật hoang dã và sinh vật biển (EAS, 2018; Haward, 2018).

Tuy nhiên, mọi người vẫn đang sử dụng nó do tính sẵn có dễ dàng, nơi lưu trữ nhỏ, trọng lượng thuận tiện và hiệu quả chi phí. Trước những tác hại to lớn từ túi nhựa sử dụng một lần, nhiều quốc gia đã và đang thực hiện các hành động để giảm thiểu việc sử dụng túi nhựa sử dụng một lần. Một số quốc gia đã áp dụng luật và quy định nghiêm ngặt để khắc phục vấn đề này. Sử dụng túi nhựa sử dụng một lần ở một số quốc gia là bất hợp pháp và bất cứ ai sử dụng nó sẽ bị phạt tù hoặc phạt tiền (Lê Chí Công, 2020; Lê Chí Công và cộng sự, 2021; Lê Chí Công, 2022).

Tại Việt Nam và các thành phố ven biển, túi nhựa sử dụng một lần có thể được nhìn thấy trên khắp các cửa hàng tạp hóa, bán lẻ và thực phẩm. Thực phẩm hoặc đồ uống mang đi đóng gói trong túi nhựa sử dụng một lần rất phổ biến. Việc sử dụng túi nhựa sử dụng một lần cho các thực phẩm nóng có thể nguy hiểm vì việc sử dụng sai loại túi nhựa có thể gây ra sự di chuyển hóa chất từ nhựa sang thực phẩm. Cho đến nay đã có nhiều chương trình, hoạt động khác nhau đã kêu gọi công chúng tránh sử dụng túi nhựa dùng một lần để gói các đồ ăn nóng do các vấn đề về sức khỏe và môi trường (Lê Chí Công, 2020; Lê Chí Công và cộng sự, 2021; Lê Chí Công, 2022).

Lê Chí Công (2020), Lê Chí Công và cộng sự (2021), Lê Chí Công (2022) đã xem xét đến vai trò của các bên liên quan trong việc giảm thiểu hành vi sử dụng túi nhựa sử dụng một lần. Tuy nhiên, các nghiên cứu sâu hơn về vai trò của những người nội trợ trong gia đình đang còn hạn chế trong khi đây lại là đối tượng đóng vai trò quan trọng đặc biệt trong việc mua sắm, sử dụng và thải loại túi nhựa sử dụng một lần ra môi trường. Trong nghiên cứu này, nội trợ được hiểu là người "lo liệu mọi việc hàng ngày trong sinh hoạt của gia đình". Vì vậy, nghiên cứu này chỉ tập trung xem xét vai trò của người người nội trợ chính trong gia đình và làm rõ hơn các khía cạnh nhận thức và hành vi của họ ảnh hưởng như thế nào đến hành vi giảm thiểu sử dụng túi nhựa dùng một lần.

2. Cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu

2.1. Lý thuyết hành vi có kế hoạch mở rộng

Nghiên cứu này được phát triển dựa trên lý thuyết nền về hành vi có kế hoạch (TPB) của Ajzen (1991), và phát triển dựa trên nền tảng của lý thuyết hành động hợp lý của Ajzen và Fishbein's (1975). Trong TPB, Ajzen (1991) đề xuất rằng hành vi tiêu dùng tập trung vào việc cá nhân ra quyết định như thế nào để sử dụng nguồn lực hiện có. Trong khi, ý định hành vi là một dấu hiệu về mặt nhận thức của sự chắc chắn thực hiện một hành vi. Ý định hành vi được xem như một yếu tố thúc đẩy ảnh hưởng đến một hành vi hoặc số lượng nỗ lực mà một người cố gắng thực hiện một hành vi nhất định (Ajzen, 1991). Ý định hành vi bị ảnh hưởng bởi (1) Thái độ - là đánh giá tích cực/tiêu cực đối với hành vi; (2) Các chuẩn mực xã hội - là áp lực xã hội mà một người cảm thấy phải hoặc không tham gia vào hành vi đó; (3) Kiểm soát hành vi nhận thức - là đánh giá của một cá nhân về mức độ khó khăn hoặc thuận lợi khi thực hiện hành vi. Giá trị

của lý thuyết hành vi có kế hoạch đã được khẳng định thông qua các ứng dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực nghiên cứu khác nhau (Bamberg và cộng sự, 2007). Để dự đoán sự tham gia của cộng đồng dân cư ven biển trong việc giảm thiểu ô nhiễm do sử dụng túi nhựa dùng một lần, cần phải dựa trên nghiên cứu mở rộng các khái niệm gốc và phát triển mô hình trong nhiều bối cảnh tiêu dùng khác nhau (Lê Chí Công, 2020; Lê Chí Công và cộng sự, 2021; Lê Chí Công, 2022).

Mở rộng lý thuyết thái độ và hành vi (Armitage & Conner, 2001) nhằm kiểm định yếu tố thuộc về nhận thức môi trường như: tác hại đối với môi trường của túi nhựa; ảnh hưởng của túi nhựa đối với sức khỏe; trách nhiệm môi trường; rủi ro tiêu dùng túi nhựa; xem xét các kết cục hiện tại và tương lai có tác động làm thay đổi thái độ và hành vi sử dụng túi nhựa sử dụng một lần của cộng đồng (Lê Chí Công, 2020; Lê Chí Công và cộng sự, 2021). Tuy vậy, việc mở rộng phân tích ảnh hưởng của kiểm soát hành vi nhận thức trong giải thích ý định và mức độ chắc chắn của hành vi giảm thiểu sử dụng túi nhựa dùng một lần chưa được thực hiện ở Việt Nam (Lê Chí Công, 2020; Lê Chí Công và cộng sự, 2021, Lê Chí Công, 2022). Trong khi, vai trò của nhân tố kiểm soát hành vi nhận thức trong việc giải thích ý định và hành vi còn khá mờ nhạt và trở thành điểm yếu của mô hình TPB (Ajzen, 1991; Armitage & Conner, 2001). Để cải thiện điểm yếu này, một số nhà nghiên cứu đã phát triển một số thành phần kiểm soát hành vi nhận thức như: nghĩa vụ đạo đức (moral obligations) (Olsen, 2004); nhận thức tác hại của túi nhựa đối với sức khỏe (perception of the impact of waste plastic bags on consumers' health); sự quan tâm đối với môi trường (involvement environment) và tích hợp chúng trong mô hình TPB mở rộng.

2.2. Phát triển mô hình nghiên cứu

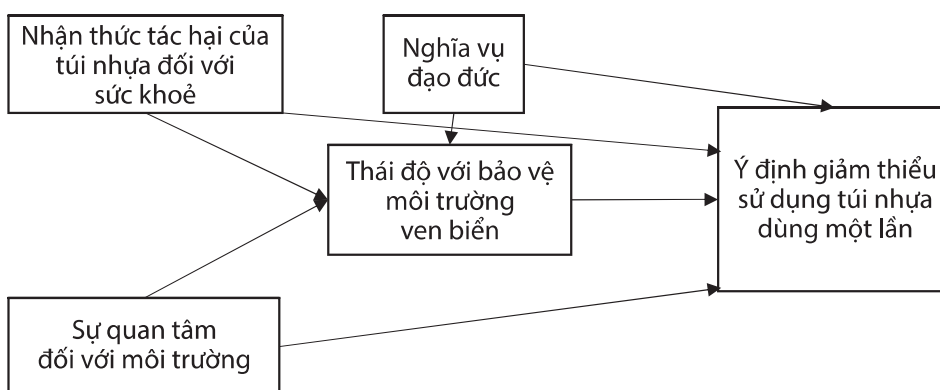
Olsen (2004) đề xuất rằng việc đưa vào các quy tắc hoặc nghĩa vụ đạo đức được nội tâm hóa làm tăng khả năng dự đoán của lý thuyết về hành vi có kế hoạch khi một người tham gia mua và chuẩn bị thức ăn cho người khác, đặc biệt là cho trẻ em. Nghiên cứu của Olsen (2001) đề cập đến nhận thức của cá nhân về trách nhiệm chăm sóc chế độ ăn uống lành mạnh và thực phẩm dinh dưỡng trong gia đình (nghĩa vụ đạo đức) như một trong bốn tiền đề để giải thích những khác biệt trong động cơ tiêu thụ hải sản ở Na Uy. Nghĩa vụ đạo đức được chứng minh là yếu tố dự báo quan trọng thứ hai về động cơ tiêu dùng sau cảm xúc tiêu cực, và quan trọng hơn cả thái độ hoặc sở thích. Myrland và cộng sự (2000) giải thích lượng tiêu thụ thủy sản tăng theo quy mô hộ gia đình là do ảnh hưởng bởi nghĩa vụ đạo đức. Trong trường hợp tiêu dùng gia đình, nghĩa vụ đạo đức đòi hỏi người nội trợ phải cân nhắc, suy xét cẩn thận các sản phẩm/hàng hoá cho các thành viên trong gia đình để bảo vệ sức khỏe của họ.

Nhận thức tác hại của túi nhựa đối với sức khỏe đã được nhiều nghiên cứu đề cập (Law và cộng sự, 2016; Lindh và cộng sự, 2016; Lê Chí Công, 2021). Một số loại túi nhựa màu đựng thực phẩm chứa các kim loại như chì, ca-đi-mi gây tác hại cho não và nguyên nhân gây ung thư phổi (Marsh & Bugusu, 2012). Khi túi nhựa được đốt, khí đi-ô-xin được thải ra gây ngộ độc, gây ngất, khó thở. Các loại khí thải độc hại này cũng có thể ảnh hưởng đến tuyến nội tiết, giảm khả năng miễn dịch, gây rối loạn chức năng, gây ung thư và các dị tật bẩm sinh cho trẻ sơ sinh (Marsh & Bugusu, 2012). Tuy nhiên, những hiểu biết về tác hại đối với môi trường và sức khỏe của túi nhựa khi tiêu dùng và thải loại của người tiêu dùng là khác biệt. Đây thực sự là thách thức cho công tác truyền thông và giáo dục hướng đến việc mua sắm/tiêu dùng/thải loại các sản phẩm hàng ngày hướng đến tính bền vững (Lê Chí Công, 2021).

Sự quan tâm thể hiện nhận thức của cá nhân về tầm quan trọng, sự cần thiết gắn với một thái độ hay hành động (Olsen, 2007). Sự quan tâm đến môi trường thể hiện cá nhân có thể chọn tham gia một số hành động như: mua thân thiện với môi trường; mua sản phẩm "xanh"; sử dụng tái chế các sản phẩm; hạn chế thải loại rác thải ra bên ngoài môi trường. Trong

thực tế, hầu hết các hành vi môi trường ít nhất được coi là tốn kém hơn và mất nhiều thời gian hơn. Do đó, ngay cả những cá nhân dường như có thái độ tích cực đối với môi trường hoặc các hành vi môi trường cũng có thể không tham gia vào các hành vi môi trường cụ thể vì họ có thể đang lựa chọn một danh sách các hành vi dựa trên lợi ích và chi phí nhận thức được. Các nhà nghiên cứu về hành vi môi trường chỉ ra rằng sự quan tâm về môi trường trực tiếp thúc đẩy ý định mua môi trường (Koenig-Lewis và cộng sự, 2014).

Sơ đồ 1: Đề xuất mô hình nghiên cứu



3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Đo lường các khái niệm

Trên cơ sở nghiên cứu các nghiên cứu trước liên quan đến đo lường hành vi sử dụng túi nhựa dùng một lần, thái độ đối với môi trường, nhận thức về tác hại của túi nhựa đối với sức khỏe, sự quan tâm đối với môi trường, nghĩa vụ đạo đức, một mẫu phiếu điều tra đã được xây dựng cho nghiên cứu này. Bảng câu hỏi này bao gồm các khái niệm đo lường các yếu tố có ảnh hưởng đến thái độ và hành vi trong mô hình TPB mở rộng. 07 chuyên gia trong ngành marketing dịch vụ (quản lý ngành, quản lý doanh nghiệp, giảng viên) tham gia đánh giá những phát biểu trong phiếu điều tra về các giá trị nội dung trước khi thực hiện phỏng vấn chính thức.

Thang đo của khái niệm ẩn trong nghiên cứu này được phát triển từ các nghiên cứu trước và nghiên cứu định tính sơ bộ. Theo đó, dựa vào việc hệ thống hóa lý thuyết từ các nghiên cứu trước, nghiên cứu này phát triển thang đo của 05 thành phần trong mô hình đề xuất với các chỉ báo trong bảng 1.

Bảng 1: Chỉ báo đo lường các biến quan sát trong mô hình nghiên cứu

Biến quan sát	Chỉ báo*	Phát triển từ nghiên cứu của
Ý định hành vi giảm thiểu sử dụng túi nhựa dùng một lần	03	Ajzen (1991); Lê Chí Công (2020); Lê Chí Công & Phạm Thị Phương Thảo (2021); Lê Chí Công (2022)
Thái độ đối với bảo vệ môi trường ven biển	03	Ajzen (1991); Lê Chí Công (2020); Lê Chí Công & Phạm Thị Phương Thảo (2021)
Nhận thức tác hại của túi nhựa đối với sức khỏe	03	Law và cộng sự (2016); Lê Chí Công (2020)
Sự quan tâm đối với môi trường	03	Olsen (2007); Koenig-Lewis và cộng sự (2014)
Nghĩa vụ đạo đức	03	Myrland và cộng sự (2000); Olsen (2004)

Ghi chú: * Chỉ báo được trình bày cụ thể ở phụ lục 1

3.2. Đối tượng nghiên cứu và phương pháp phân tích dữ liệu

Nghiên cứu này sử dụng kỹ thuật phỏng vấn trực tiếp bằng bảng câu hỏi chi tiết với 250 người nội trợ tại 03 thành phố biển miền Trung. Thời gian thực hiện khảo sát từ tháng 6 đến tháng 7 năm 2022. Mẫu nghiên cứu được chọn theo phương pháp hạn ngạch dựa trên đặc điểm độ tuổi. Mẫu hạn ngạch được thu thập chú trọng đến đặc điểm độ tuổi và thu nhập. Theo đó, nghiên cứu được tiến hành trên 03 nhóm độ tuổi, trong đó nhóm có độ tuổi từ 22 đến 35 tuổi có số lượng là: 50 người (chiếm 20%/ tổng mẫu); nhóm từ 36 đến 45 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất: 135 người (chiếm 54%/ tổng mẫu); nhóm tuổi từ 46 trở lên là 65 người chiếm tỷ lệ 26% tổng mẫu. Về thu nhập của mẫu, kết quả cho thấy trong tổng số 250 quan sát có 58 quan sát có thu nhập trên 10 triệu đồng (chiếm 23,2%/ tổng mẫu), số còn lại có thu nhập bình quân tháng dưới 10 triệu đồng chiếm 76,8%.

Nghiên cứu này sử dụng các bước kiểm định độ tin cậy và độ giá trị thang đo dựa vào gợi ý của Hair & cộng sự (2014) gồm kiểm định độ nhất quán nội tại, độ giá trị hội tụ và độ giá trị phân biệt.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Kiểm định độ tin cậy và độ giá trị của các thang đo

Kết quả kiểm định thang đo cho thấy các thang đo đều đạt độ nhất quán nội tại (Cronbach's Alpha đều > 0,6 và độ tin cậy tổng hợp của các thang đo đều > 0,7). Đồng thời, các hệ số tải nhân tố đều > 0,5 và phương sai trích đều lớn hơn 0,5. Do đó, các thang đo đề xuất đạt được độ giá trị hội tụ. Bảng 2 chỉ ra hệ số tương quan nhỏ hơn 0,50 và có ý nghĩa thống kê ở mức 0,001. Kết quả cho thấy thang đo đảm bảo giá trị tin cậy, giá trị phân biệt, giá trị hội tụ cao.

Bảng 2. Thang đo, độ tin cậy và độ giá trị

Cấu trúc khái niệm và mục hỏi	Trọng số nhân tố (Thấp - cao)	Thống kê t (Thấp - cao)	CR	AVE
Nhận thức tác hại của túi nhựa đối với sức khỏe (PNH1; PNH2; PNH3)	0,72-0,82	17,1-17,6	0,81	0,66
Sự quan tâm đối với môi trường (IE1; IE2; IE3)	0,71-0,86	14,7-16,6	0,80	0,57
Nghĩa vụ đạo đức (MO1; MO2; MO3)	0,73-0,84	18,3-20,2	0,86	0,64
Thái độ đối với bảo vệ môi trường ven biển (ATE1; ATE2; ATE3)	0,72-0,88	17,2-21,7	0,84	0,61
Ý định hành vi giảm thiểu sử dụng túi nhựa dùng một lần (IRP1; IRP2; IRP3)	0,77-0,89	20,3-25,6	0,87	0,62

Ghi chú: Thống kê phù hợp: $\chi^2 = 410,17$ ($df = 133$, $p < 0,000$), $RMSEA = 0,041$, $GFI = 0,93$; $CFI = 0,93$

(Nguồn: Lê Chí Công và cộng sự, 2022)

4.2. Đánh giá các quan hệ cấu trúc và kiểm định giả thuyết

Tác động chính của mô hình được trình bày trên bảng 4. Mô hình cấu trúc đã thể hiện một độ phù hợp tốt với dữ liệu ($RMSEA = 0,041$, $GFI = 0,93$, $CFI = 0,93$). Tất cả các hệ số cấu trúc đều có ý nghĩa thống kê ở mức 0,001.

Bảng 3. Hệ số tương quan, trung bình và sai số chuẩn của các khái niệm

Yếu tố trong mô hình	M	SD	PNH	IE	MO	ATE	IRP
Nhận thức tác hại của túi nhựa đối với sức khỏe	5,11	1,12	-				
Sự quan tâm đối với môi trường	5,13	1,11	0,26	-			
Nghĩa vụ đạo đức	4,88	1,16	0,43	0,26	-		
Thái độ đối với bảo vệ môi trường ven biển	4,98	1,10	0,41	0,32	0,41	-	
Ý định hành vi giảm thiểu sử dụng túi nhựa dùng một lần	5,32	1,21	0,35	0,22	0,46	0,49	0,54

Ghi chú: Tất cả các hệ số tương quan giữa các nhân tố đều có ý nghĩa thống kê ở mức 0,001
(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu điều tra, 2022)

Bảng 4. Kết quả kiểm định giả thuyết

Các hệ số đường dẫn		Ước lượng chuẩn hóa	Thống kê <i>t</i>
Nhận thức tác hại của túi nhựa đối với sức khỏe	→ Thái độ đối với bảo vệ môi trường ven biển	0,19**	4,32
Nhận thức tác hại của túi nhựa đối với sức khỏe	→ Ý định giảm thiểu sử dụng túi nhựa một lần	0,21***	5,12
Sự quan tâm đối với môi trường	→ Thái độ đối với bảo vệ môi trường ven biển	0,15**	2,37
Sự quan tâm đối với môi trường	→ Ý định giảm thiểu sử dụng túi nhựa một lần	0,03 ^{ns}	1,02
Nghĩa vụ đạo đức	→ Thái độ đối với bảo vệ môi trường ven biển	0,31***	6,67
Nghĩa vụ đạo đức	→ Ý định giảm thiểu sử dụng túi nhựa một lần	0,26***	5,27
Thái độ đối với bảo vệ môi trường ven biển	→ Ý định giảm thiểu sử dụng túi nhựa một lần	0,45***	8,62

Ghi chú: *** $p < 0,001$; ** $p < 0,01$; ^{ns} Không có ý nghĩa thống kê

Thống kê phù hợp: $\chi^2 = 407,34$ ($df = 134$, $p < 0,000$), $RMSEA = 0,041$, $GFI = 0,93$; $CFI = 0,93$

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu điều tra, 2022)

Giả thuyết H1^a đề xuất nhận thức về tác hại của túi nhựa đối với sức khỏe của những người nội trợ càng cao, thái độ đối với bảo vệ môi trường càng mạnh. Kết quả nghiên cứu ủng hộ giả thuyết ($\beta_1 = 0,19$, $t = 4,32$, $p < 0,000$). Theo đó, túi nhựa được xem là thiếu thân thiện với môi trường, những người nội trợ có hiểu biết về tác hại của nó đối với sức khỏe của các thành viên trong gia đình dẫn đến thái độ bảo vệ môi trường càng tăng lên. Nghiên cứu cũng mong

đợi rằng, nhận thức về tác hại của túi nhựa đối với sức khỏe của những người nội trợ càng cao, ý định giảm thiểu sử dụng túi nhựa càng mạnh. Kết quả nghiên cứu ủng hộ giả thuyết H2^a ($\beta_2 = 0,21$, $t = 5,12$, $p < 0,000$). Kết quả hai giả thuyết trên khá tương đồng với các nghiên cứu trước đó của Lê Chí Công (2020), Lê Chí Công và Phạm Thị Phương Thảo (2021) về hành vi giảm thiểu sử dụng túi nhựa.

Nghiên cứu cũng mong đợi rằng, sự quan tâm đối với môi trường của những bà nội trợ càng cao, thái độ tích cực đối với bảo vệ môi trường càng mạnh. Kết quả nghiên cứu ủng hộ giả thuyết H2^a ($\beta_3 = 0,15$, $t = 2,37$, $p < 0,05$). Kết quả này khẳng định tính đúng đắn của các nghiên cứu trước của Olsen (2007), Koenig-Lewis và cộng sự (2014) trong các bối cảnh tiêu dùng khác nhau. Nghiên cứu cũng chứng minh rằng, sự quan tâm đến môi trường của những người nội trợ càng tăng lên, ý định hành vi giảm thiểu sử dụng túi nhựa càng mạnh. Kết quả nghiên cứu không ủng hộ giả thuyết H2^b ($\beta_4 = 0,03$, $t = 1,02$, ns). Kết quả nghiên cứu này cần chứng minh vai trò tiết chế của sự quan tâm đến môi trường lên mối quan hệ giữa thái độ và ý định hành vi giảm thiểu sử dụng túi nhựa.

Nghiên cứu này chứng minh giả định rằng, nhận thức về nghĩa vụ đạo đức của những người nội trợ càng cao, thái độ đối với việc bảo vệ môi trường càng mạnh. Kết quả nghiên cứu ủng hộ giả thuyết H3^a ($\beta_5 = 0,31$, $t = 6,67$, $p < 0,000$). Theo đó, cảm nhận về nghĩa vụ đạo đức trong gia đình càng cao, ý định hành vi giảm thiểu sử dụng túi nhựa một lần càng tăng. Kết quả nghiên cứu ủng hộ giả thuyết H3^b ($\beta_6 = 0,26$, $t = 5,27$, $p < 0,000$). Kết quả này phù hợp với kết quả nghiên cứu của Olsen (2004), Myrland và cộng sự (2000).

Cuối cùng, những nhiều nghiên cứu trước đã chứng minh thái độ luôn có những ảnh hưởng trực tiếp và dương lên ý định hành vi. Kết quả nghiên cứu cũng ủng hộ giả thuyết H4 ($\beta_7 = 0,45$, $t = 8,62$, $p < 0,000$).

5. Kết luận và hàm ý chính sách

5.1. Kết luận

Nghiên cứu đã đạt được mục tiêu là kiểm định các yếu tố khác nhau thuộc về kiểm soát hành vi nhận thức - nghĩa vụ đạo đức (Olsen, 2004); nhận thức tác hại của túi nhựa đối với sức khỏe; sự quan tâm đối với môi trường ảnh hưởng đến thái độ bảo vệ môi trường và ý định hành vi giảm thiểu sử dụng túi nhựa dùng một lần của những người nội trợ. Sau khi kiểm định độ tin cậy của thang đo, nhóm tác giả tiến hành phân tích nhân tố khám phá cho các nhân tố, phân tích nhân tố khẳng định, kết quả nghiên cứu ủng hộ các giả thuyết đề xuất. Trên cơ sở kết quả kiểm định mô hình nghiên cứu thực tiễn, bài báo đã đưa ra những kiến nghị nhằm góp phần thay đổi thái độ tích cực của những người nội trợ đối với môi trường và ý định hành vi giảm thiểu sử dụng túi nhựa trong các gia đình trong thời gian tới. Các kiến nghị tập trung vào tập trung giáo dục ý thức, tinh thần trách nhiệm của những người nội trợ.

5.2. Hàm ý chính sách

Kết quả phân tích thực nghiệm chỉ ra rằng 6/7 giả thuyết nghiên cứu trong mô hình nghiên cứu thuộc về yếu tố nhận thức của những người nội trợ có mức ảnh hưởng cao đến thái độ bảo vệ môi trường và ý định hành vi giảm thiểu sử dụng túi nhựa dùng một lần. Cụ thể: nghĩa vụ đạo đức; nhận thức tác hại của túi nhựa đối với sức khỏe; sự quan tâm đối với môi trường. Kết quả nghiên cứu cho phép rút ra một số hàm ý chính sách quan trọng sau:

Trong vô vàn những lý làm cho nạn rác thải nhựa tràn lan trở nên khó kiểm soát, một phần không nhỏ đến từ những người nội trợ. Trong quá trình sinh hoạt tương chừng như đơn giản thì phát sinh ra vô vàn những hệ quả tiêu cực cho môi trường - điều này thường đến

từ thói quen mua sắm, sử dụng và thải bỏ các loại nhựa (phần lớn là các túi nhựa, bao bì nilon) của những người nội trợ. Từ đó, những lo ngại về thói quen sử dụng đồ nhựa và vai trò của người nội trợ trong vấn đề này càng nên được làm rõ.

Những người nội trợ là một trong những nguồn phát thải trực tiếp các loại nhựa sinh hoạt ra môi trường. Nội trợ là người chủ động mua sắm và sử dụng các loại nhựa sinh hoạt cũng như thải chúng ra môi trường. Không khó để nhận ra thói quen sử dụng bao bì nilon, túi nhựa tại các chợ cũng như các siêu thị và đây là những nơi mà người nội trợ thường xuyên phải lui tới. Sau quá trình mua sắm và sử dụng, họ cũng là "gốc rễ" của vô vàn loại rác thải nhựa ra môi trường. Vậy nên, để cho quá trình xử lý rác thải nhựa trở nên thuận lợi, cần phải xử lý ngay từ gốc.

Người nội trợ có tiếng nói giáo dục trong phạm vi gia đình về vấn đề sử dụng, thải các loại nhựa sinh hoạt ra môi trường. Dưới vai trò là một người nội trợ, họ là người rất có tiếng nói về vấn đề giáo dục và sử dụng các túi nhựa, bao bì nilon với những thành viên trong gia đình. Nếu người nội trợ bỏ đi thói quen phải sử dụng chúng, cả gia đình cũng dần dần hình thành nên thói quen đó. Nếu người nội trợ bỏ hẳn đi, cả gia đình cũng sẽ không có ai sử dụng. Nếu họ vừa không sử dụng và vừa khuyến bảo, dặn dò gia đình cũng nên như vậy, thì xã hội sẽ bớt đi một nguồn rác thải nhựa.

Sự thay đổi về thói quen của người nội trợ có thể tạo nên sự thay đổi về thói quen sử dụng túi nhựa sinh hoạt của các cơ sở chuyên cung cấp sản phẩm phục vụ cho việc sinh hoạt hằng ngày. Nếu phần lớn người nội trợ mua sắm mà không cần đến túi nhựa hay bao bì nilon, những cơ sở hàng quán cũng sẽ không nhập về những loại túi đó nữa. Bởi lẽ, nếu không có nhu cầu thì nguồn cung cũng không bao giờ xuất hiện. Chủ của các cơ sở này cũng không muốn tăng thêm khoản chi phí làm cho tâm lý của người nội trợ e dè và hạn chế mua sắm. Thay vào đó, họ có thể giảm giá thành bằng việc loại bỏ đi những loại bao bì, túi nhựa dùng để phát cho những người nội trợ và kích cầu mua sắm, tăng thêm nguồn doanh thu, lợi nhuận cho mình.

5.3. Hạn chế và hướng nghiên cứu tiếp theo

Mặc dù đã đạt được kết quả nhất định nhưng nghiên cứu này vẫn còn một số điểm hạn chế: Một là, có nhiều khía cạnh khác nhau trong mô hình TPB chưa đề cập trong mô hình nghiên cứu mở rộng như: chuẩn mực xã hội, chuẩn mực gia đình, lợi ích và tính tiện lợi của túi nhựa dùng một lần. Bài báo này chỉ nghiên cứu theo khía cạnh kiểm soát hành vi nhận thức của những người nội trợ. Hai là, bài báo chỉ thực hiện nghiên cứu trên cỡ mẫu là 250 quan sát được tách lọc ra từ dữ liệu thu thập tại 3 thành phố ven biển, các nghiên cứu tiếp theo cần mở rộng thêm về đối tượng, có thể tiến hành so sánh sự khác biệt các nhóm đối tượng khác nhau nhằm có các đánh giá và so sánh mang tính toàn diện hơn. Cuối cùng, nghiên cứu này mới tiếp cận xem xét các nhân tố tác động trực tiếp và trung gian, nghiên cứu tiếp theo cần xem xét các ảnh hưởng tiết chế (trung hoà) làm thay đổi mối quan hệ giữa thái độ và ý định hành vi sử dụng túi nhựa dùng một lần.

Tài liệu tham khảo

Ajzen, I. (1991). The theory of planned behavior. *Organizational Behavior and Human Decision Process*, 50, 179-211.

Armitage, C., Conner, M. (2001). Meta-analysis of the theory of planned behavior. *British Journal of Social Psychology*, 40, 471-499. doi.org/10.1348/014466601164939.

Bamberg, S., Hunecke, M., & Blöbaum, A. (2007). Social context, personal norms and the use of public transportation: Two field studies. *Journal of Environmental Psychology, 27*(3), 190-203. doi:10.1016/j.jenvp.2007.04.001.

Lê Chí Công (2020). Nghiên cứu ảnh hưởng của nhận thức tác hại túi nhựa và ý thức bảo vệ môi trường đến ý định giảm sử dụng túi nhựa của cộng đồng dân cư ven biển tại Nha Trang. *Tạp chí nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á*, Số 31(1), trang 75-92.

Lê Chí Công & Phạm Thị Phương Thảo (2021). Ảnh hưởng của rủi ro cảm nhận tiêu dùng đồ nhựa đến ý định gia tăng sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường của khách du lịch. *Tạp chí quản lý và kinh tế quốc tế*. Số 132, trang 91-135.

Lê Chí Công (2022). Ảnh hưởng của nhân tố xã hội đến hành vi giảm thiểu sử dụng túi nhựa một lần của cộng đồng dân cư ven biển miền Trung. *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á*, e-ISSN: 2515-964X (Emerald - English version) p-ISSN: 2615-9112 (old version), 31(1), 27-43.

East Asian Seas (EAS), (2018). Congress celebrates 25 years of partnerships for healthy oceans, people and economies. Status of Vietnam plastic waste pollution issues and challenges, Iloilo Convention Center, Iloilo 27th November, City, Philippines.

Haward, M. (2018). Plastic pollution of the world's seas and oceans as a contemporary challenge in ocean governance. *Nature Communications, 9*(667), 1-3. <https://doi.org/10.1038/s41467-018-03104-3>.

Hair, Jr, J. F., Sarstedt, M., Hopkins, L., & Kuppelwieser, V. G. (2014). Partial least squares structural equation modeling (PLS-SEM): An emerging tool in business research. *European Business Review*. doi.org/10.1108/EBR-10-2013-0128.

Fishbein, A., & Ajzen, I. (1975). Belief, attitude, intention, and behavior: A introduction to theory and research. Reading, MA: Addison-Wesley.

Koenig-Lewis, N., Palmer, A., Dermody, J., & Urbye, A. (2014). Consumers' evaluations of ecological packaging – rational and emotional approaches. *Journal of Environmental Psychology, 37*, 94-105.

Law, A., De Lacy, T., Lipman, G., & Jiang, M. (2016). Transitioning to a green economy: The case of tourism in Bali, Indonesia. *Journal of Cleaner Production, 111*(B), 295 - 305. Doi: 10.1016/j.jclepro.2014.12.070.

Lindh, H., Olsson, A., Williams, H. (2016), Consumer perceptions of food packaging: contributing to or counteracting environmentally sustainable development? Packaging technology and science, *29*(1), 3 - 23. doi: 10.1002/pts.2184.

Marsh, K., & Bugusu, B. (2012). Food packaging - roles, materials, and environmental Issues. *Journal of Food Science, 72*(3), 39 - 55. doi: 10.1111/j.1750-3841.2007.00301.x.

Olsen, S.O. (2004). Antecedents of Seafood Consumption Behavior: An Overview. *Journal of Aquatic Food Product Technology*, Vol. 13(3), 79-91.